

Số: 2782652

|                                      | Kia New Seltos 1.5 Luxury | Kia New Seltos 1.5 AT |
|--------------------------------------|---------------------------|-----------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                 | <b>699.000.000đ</b>       | <b>599.000.000đ</b>   |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>      |                           |                       |
| Kích thước tổng thể (mm)             | 4365 x 1800 x 1645        | 4365 x 1800 x 1645    |
| Chiều dài cơ sở (mm)                 | 2610                      | 2610                  |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)    | 5300                      | 5300                  |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)              | 190                       | 190                   |
| Khối lượng không tải (kg)            | 1234                      | 1234                  |
| Khối lượng toàn tải (kg)             | 1690                      | 1690                  |
| Thể tích khoang hành lý (L)          | 433                       | 433                   |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)       | 50                        | 50                    |
| Số chỗ ngồi                          | 5                         | 5                     |
| Nguồn gốc                            | SX-LR trong nước          | SX-LR trong nước      |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>         |                           |                       |
| Loại động cơ                         | Smartstream 1.5G          | Smartstream 1.5G      |
| Dung tích xi lanh (cc)               | 1497                      | 1497                  |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)         | 113 Hp/ 6.300 rpm         | 113 Hp/ 6.300 rpm     |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)        | 144 Nm/ 4.500 rpm         | 144 Nm/ 4.500 rpm     |
| Hộp số                               | Hộp số vô cấp CVT         | Hộp số vô cấp CVT     |
| Hệ thống dẫn động                    | Cầu trước (FWD)           | Cầu trước (FWD)       |
| Hệ thống treo trước                  | McPherson                 | McPherson             |
| Hệ thống treo sau                    | Thanh cân bằng            | Thanh cân bằng        |
| Hệ thống phanh trước                 | Đĩa                       | Đĩa                   |
| Hệ thống phanh sau                   | Đĩa                       | Đĩa                   |
| Thông số lốp xe                      | 215/60 R17                | 215/60 R17            |
| Chế độ lái                           | Normal/Eco/Sport          | Normal/Eco/Sport      |
| Chế độ địa hình                      | Snow/Mud/Sand             | Snow/Mud/Sand         |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                   |                           |                       |
| Cụm đèn trước                        | LED                       | Halogen               |
| Đèn trước tự động bật/tắt            | ●                         | ●                     |
| Đèn ban ngày LED                     | ●                         | Halogen               |
| Đèn sương mù                         | LED                       | Halogen               |
| Cụm đèn sau                          | LED                       | Halogen               |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện | ●                         | ●                     |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>         |                           |                       |
| Vô lăng bọc da                       | ●                         | Urethane              |
| Chất liệu ghế                        | Da                        | Da                    |
| Ghế người lái chỉnh cơ               | -                         | ●                     |
| Ghế người lái chỉnh điện             | ●                         | -                     |
| Ghế người lái có nhớ vị trí          | -                         | -                     |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ   | ●                         | ●                     |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | -                         | -                     |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát  | -                         | -                     |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi     | -                         | -                     |
| Hàng ghế trước có tính năng massage  | -                         | -                     |
| Tính năng cửa hít                    | -                         | -                     |
| Kính cửa sổ chỉnh điện               | ●                         | ●                     |

|                                                 |                |          |
|-------------------------------------------------|----------------|----------|
| Màn hình đồng hồ đa thông tin                   | 4.2"           | 4.2"     |
| Màn hình HUD                                    | -              | -        |
| Màn hình giải trí trung tâm                     | 10.25"         | 8"       |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto              | ●              | ●        |
| Hệ thống điều hòa tự động                       | ●              | Chỉnh cơ |
| Số vùng khí hậu điều hòa                        | Tự động 2 vùng |          |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                        | ●              | ●        |
| Chìa khóa thông minh                            | ●              | ●        |
| Khởi động nút bấm                               | ●              | ●        |
| Khởi động từ xa                                 | ●              | ●        |
| Hệ thống âm thanh                               | 6 loa          | 6 loa    |
| Lấy chuyển số                                   | -              | -        |
| Sạc không dây Qi                                | -              | -        |
| Phanh đỗ điện tử                                | ●              | -        |
| Giữ phanh tự động Autohold                      | ●              | -        |
| Đèn trang trí nội thất                          | -              | -        |
| Rèm che nắng                                    | -              | -        |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                      | ●              | ●        |
| <b>AN TOÀN:</b>                                 |                |          |
| Số túi khí                                      | 6              | 2        |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●              | ●        |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●              | ●        |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●              | ●        |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●              | ●        |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●              | ●        |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●              | ●        |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●              | -        |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | ●              | ●        |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | -              | -        |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | -              | -        |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | -              | -        |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | -              | -        |
| Hệ thống điều khiển hành trình                  | ●              | -        |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | -              | -        |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp                   | ●              | -        |
| Camera lùi                                      | ●              | ●        |